

Vietnam Daily Review

Đà tăng thu hẹp

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 13/9/2022		•	
Tuần 12/9-16/9/2022		•	
Tháng 9/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Mở cửa với gap dương, tuy nhiên VN-Index đã không thể giữ được động lực tăng điểm, thay vào đó đi xuống trong cả ngày hôm nay. Kết phiên, chỉ số dừng chân tại mốc 1,249.62 điểm, gần như không thay đổi so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 9/19 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bán lẻ dẫn đầu với mức tăng gần 3%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Hiện tại, xu hướng hồi phục chưa được xác định nên nhà đầu tư cần thận trọng giao dịch trong các phiên tới.

Hợp đồng tương lai: VN30 tuy trượt xuống vùng giảm cuối phiên song các HDTL vẫn giữ mức tăng nhẹ. Nhà đầu tư nên giao dịch ngắn hạn trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 12/9/2022, các chứng quyền phân hóa theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+0.84** điểm, đóng cửa **1249.62** điểm. HNX-Index **-1.55** điểm, đóng cửa **283.08** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+1.65)**, **MWG (+0.74)**, **VRE (+0.74)**, **VCB (+0.36)**, **DGC (+0.26)**.
- Kéo chỉ số giảm: **MSN (-0.4)**, **NVL (-0.4)**, **VIC (-0.39)**, **GVR (-0.35)**, **VNM (-0.32)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **10,051** tỷ đồng, giảm **-20.2%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 10,748 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 9.02 điểm. Thị trường có **238** mã tăng, 73 mã tham chiếu, **217** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **177.36** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **PVD (72.64 tỷ)**, **HPG (71.37 tỷ)**, **DGC (60.54 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **11.3** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1249.62**

Giá trị: 10051.5 tỷ **0.84 (0.06%)**

Khối ngoại (ròng): 177.36 tỷ

HNX-INDEX **283.08**

Giá trị: 1108.9 tỷ **-1.55 (-0.54%)**

Khối ngoại (ròng): 11.3 tỷ

UPCOM-INDEX **90.25**

Giá trị: 471.41 tỷ **-0.39 (-0.43%)**

Khối ngoại (ròng): -23.84 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	87.2	0.50%
Giá vàng	1,726	0.51%
Tỷ giá USD/VND	23,523	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,816	1.47%
Tỷ giá JPY/VND	16,485	0.00%
LS liên NH 1 tháng	4.9%	0.05%
LS TPCP 5 năm	3.3%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PVD	72.64	GEX	-24.09
HPG	71.37	VNM	-22.15
DGC	60.54	SAB	-18.26
VRE	30.27	FUEVFN	-13.89
NLG	13.78	TCH	-11.15

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Hiệu suất PTKT	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
8/5/2022	DRC	29.5	34	27.5	31.4	38	6.44%	Có thể tiếp tục mua
8/4/2022	VTP	62.3	70	58.5	63.2	39	1.44%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/3/2022	REE	81.2	93	76	85.1	40	4.80%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/2/2022	POW	13.75	16	13	14.1	41	2.55%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/1/2022	NLG	41.25	48.25	38.6	40	42	-3.03%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
7/18/2022	GVR	23.2	28	21.9	25	56	7.76%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:							(**) Tiệm cận giá mục tiêu	

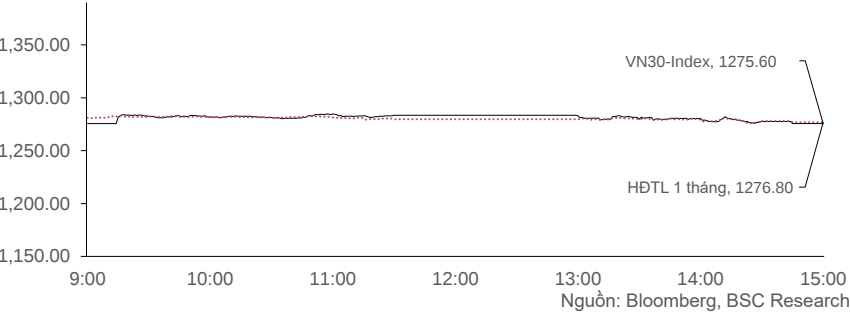
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
8/18/2022	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
7/20/2022	HAH	67.9	78.5	64.1	SL	7	-5.60%
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/23/2022	GMD	53	60	49.5	SL	12	-6.60%
6/8/2022	GVR	27.05	33.5	24	SL	5	-11.28%
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	SL	20	-6.42%
5/30/2022	PDR	55.3	61.3	52	SL	11	-5.97%
5/27/2022	MWG	146.7	162	140	SL	17	-4.57%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất			TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm		

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	5	1	4.60%	-3.03%	3.33%	43
Cổ phiếu đã chốt	249	223	7.10%	-7.53%	4.17%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2209	1276.80	0.14%	1.20	-39.0%	153,065	9/15/2022	5
VN30F2210	1268.00	0.38%	-7.60	12.2%	3,716	10/20/2022	40
VN30F2212	1264.40	0.35%	-11.20	-95.6%	7	12/15/2022	96
VN30F2203	1259.60	0.21%	-16.00	0.0%	40	3/16/2023	187

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -0.04 điểm xuống 1275.6 điểm, biên độ dao động 9.72 điểm. Các cổ phiếu như STB, ACB, MSN, NVL, và VNM đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giằng co trong phiên sáng và bắt đầu thu hẹp đà tăng vào phiên chiều, kết phiên giảm điểm với thanh khoản yếu. Mẫu hình nền của chỉ số có thể báo hiệu sự đảo chiều ngắn hạn. Nhà đầu tư nên giao dịch ngắn hạn trong phiên.
- VN30 tuy trượt xuống vùng giảm cuối phiên song các HĐTL vẫn giữ mức tăng nhẹ. Xét về KLGD, HĐ VN30F2210 tăng, các HĐ còn lại giảm. Xét về vị thế mở, HĐ VN30F2209 và VN30F2303 giảm, các HĐ còn lại tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CACB2201	9/20/2022	8	3.2:1	2,058,800	27.72%	1,500	30	200.00%	0	17,324.97	29,095	35,500	23,750
CMWG2203	9/26/2022	14	4.97:1	103,800	35.65%	1,990	610	79.41%	187	3.27	75,062	148,000	74,000
CVRE2207	10/20/2022	38	2:1	6,700	38.96%	1,000	100	66.67%	66	1.51	33,773	33,333	28,750
CVRE2204	10/7/2022	25	5:1	2,500	38.96%	1,000	110	57.14%	12	8.90	33,600	33,000	28,750
CMWG2201	9/20/2022	8	4.97:1	187,300	35.65%	2,600	1,510	29.06%	827	1.83	70,092	134,500	74,000
CMWG2207	11/7/2022	56	5:1	3,700	35.65%	3,090	1,250	17.92%	516	2.42	78,315	75,565	74,000
CMWG2208	12/26/2022	105	16:1	242,500	35.65%	3,000	2,360	11.85%	653	3.62	66,200	63,000	74,000
CVHM2209	12/27/2022	106	16:1	1,100	25.50%	1,000	330	10.00%	39	8.56	70,139	69,979	61,400
CPNJ2201	9/20/2022	8	10:1	82,300	39.40%	2,300	2,300	3.60%	1,662	1.38	101,869	95,500	112,200
CKDH2210	12/26/2022	105	2:1	86,000	31.50%	3,000	1,050	0.96%	606	1.73	41,780	39,000	35,800
CSTB2202	9/20/2022	8	2:1	3,200	45.12%	2,700	10	0.00%	0	38.16	29,780	29,500	23,100
CVRE2201	9/20/2022	8	5:1	325,500	38.96%	1,200	10	0.00%	0	1,892.47	39,600	34,000	28,750
CVNM2207	3/28/2023	197	5:1	14,100	27.43%	1,100	1,240	0.00%	2,224	0.56	73,318	68,668	75,300
CVRE2206	10/20/2022	38	8:1	16,500	38.96%	1,100	80	0.00%	5	15.94	38,755	35,555	28,750
CMWG2206	1/9/2023	119	16:1	5,000	35.65%	2,590	1,320	0.00%	81	16.25	103,580	88,060	74,000
CTCB2209	12/26/2022	105	7.77:1	19,500	32.04%	3,000	2,920	0.00%	636	4.59	36,875	34,000	37,500
CHDB2206	1/3/2023	113	5:1	127,800	34.44%	1,000	300	0.00%	163	1.84	31,699	29,999	25,650
CVPB2207	1/13/2023	123	4:1	91,800	37.35%	1,200	1,120	-0.88%	443	2.53	34,760	33,000	30,450
CFPT2207	12/12/2022	91	2:1	136,300	32.89%	3,000	3,280	-2.38%	6,097	0.54	74,818	75,000	84,600
CVHM2207	10/19/2022	37	16:1	1,800	25.50%	2,000	220	-12.00%	2	95.44	71,409	73,000	61,400
Tổng		3,516,200	34.65%**										

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất Lãi suất phi rủi ro là 4.75% **Trung bình độ lệch chuẩn	CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
------------	--	---

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 12/9/2022, các chứng quyền phân hóa theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CPOW2203 và CACB2201 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt ở mức 200% và 57.14%. Giá trị giao dịch tăng 4.86%. CACB2201 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 0.13%.
- CFPT2207, CTPB2204, CSTB2214, và CTPB2203 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CFPT2206, CHPG2214, CPDR2204, và CVPB2204 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2207, CPNJ2202, CPNJ2201, và CMSN2208 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

BSC

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	74.0	2.8%	0.6	4,709	23.6	3,436	21.5	4.8	49.0%	24.2%
PNJ	Bán lẻ	112.2	0.4%	0.6	1,200	1.8	5,978	18.8	3.4	48.3%	20.1%
BVH	Bảo hiểm	56.6	0.0%	1.2	1,827	2.0	2,411	23.5	1.9	26.4%	8.4%
PVI	Bảo hiểm	44.9	-0.2%	0.7	457	0.0	3,289	13.7	1.3	58.6%	9.9%
VIC	Bất động sản	64.0	-0.6%	0.5	10,613	1.5	(74)	#N/A N/A	2.3	12.2%	-0.2%
VRE	Bất động sản	28.8	4.5%	1.1	2,840	2.3	571	50.4	2.1	32.0%	4.2%
VHM	Bất động sản	61.4	2.5%	0.8	11,624	10.3	6,478	9.5	2.2	23.1%	25.9%
DXG	Bất động sản	24.7	-2.2%	1.4	651	7.9	1,223	20.2	1.6	29.6%	8.2%
SSI	Chứng khoán	21.9	-1.6%	1.8	1,415	11.5	2,674	8.2	1.6	35.2%	22.0%
VCI	Chứng khoán	35.8	-3.2%	1.0	678	7.2	3,497	10.2	2.2	17.4%	24.3%
HCM	Chứng khoán	25.1	-1.2%	1.6	499	3.1	2,522	10.0	1.5	40.8%	17.5%
FPT	Công nghệ	84.6	0.4%	0.9	4,035	2.6	4,512	18.7	4.7	49.0%	27.1%
FOX	Công nghệ	69.3	0.0%	0.4	989	0.0	4,926	14.1	3.8	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	113.7	-0.3%	1.0	9,462	1.8	6,669	17.0	3.7	3.0%	24.3%
PLX	Dầu khí	40.3	0.1%	1.5	2,224	0.8	723	55.7	2.2	17.6%	3.8%
PVS	Dầu khí	26.8	0.0%	1.6	557	12.4	1,104	24.3	1.1	10.1%	4.4%
BSR	Dầu khí	24.3	-0.8%	0.8	3,276	5.4	2,108	11.5	2.0	41.1%	19.1%
DHG	Dược	92.0	1.9%	0.3	523	0.1	6,361	14.5	3.2	54.2%	23.1%
DPM	Hóa chất	52.5	-2.2%	1.3	893	8.7	14,563	3.6	1.5	15.4%	51.9%
DCM	Hóa chất	37.7	-1.6%	1.2	868	10.0	7,025	5.4	2.0	8.5%	44.7%
VCB	Ngân hàng	79.1	0.4%	0.8	16,276	2.4	5,273	15.0	3.0	23.5%	21.9%
BID	Ngân hàng	36.9	-0.3%	1.2	8,116	1.5	2,562	14.4	2.1	16.9%	15.0%
CTG	Ngân hàng	27.1	0.7%	1.5	5,652	1.9	3,056	8.9	1.3	26.8%	15.1%
VPB	Ngân hàng	30.5	-0.2%	1.2	5,925	10.4	3,755	8.1	1.5	17.5%	22.2%
MBB	Ngân hàng	22.6	-0.4%	1.3	4,455	3.0	3,467	6.5	1.5	19.4%	26.0%
ACB	Ngân hàng	23.8	-1.0%	1.1	3,488	1.4	3,482	6.8	1.5	30.0%	25.4%
BMP	Nhựa	61.6	-0.5%	0.7	219	0.1	4,413	14.0	2.1	85.2%	15.2%
NTP	Nhựa	41.5	0.0%	0.6	234	0.0	3,914	10.6	1.9	17.7%	18.0%
MSR	Tài nguyên	19.4	3.2%	1.6	927	0.2	178	109.0	1.5	10.1%	1.4%
HPG	Thép	23.8	0.0%	1.1	6,017	27.4	4,747	5.0	1.4	20.5%	31.8%
HSG	Thép	21.5	0.0%	1.5	466	10.8	4,213	5.1	0.9	6.7%	19.3%
VNM	Tiêu dùng	75.3	-0.8%	0.5	6,842	4.6	4,055	18.6	4.6	54.9%	25.8%
SAB	Tiêu dùng	195.0	0.6%	0.8	5,437	1.9	7,018	27.8	5.4	62.8%	21.0%
MSN	Tiêu dùng	115.0	-0.9%	1.0	7,119	1.6	7,172	16.0	5.6	29.0%	40.2%
SBT	Tiêu dùng	17.6	-0.6%	1.6	481	0.8	1,381	12.7	1.3	8.2%	8.3%
ACV	Vận tải	86.7	-0.7%	0.8	8,206	0.1	363	239.0	5.0	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	117.5	-0.4%	1.1	2,767	2.0	176	667.0	3.7	16.5%	0.6%
HVN	Vận tải	14.7	-1.3%	1.7	1,410	1.4	(4,373)	#N/A N/A	#N/A N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	49.2	-0.7%	1.0	644	2.0	2,705	18.2	2.2	46.7%	12.5%
PVT	Vận tải	22.2	0.9%	1.4	312	2.0	1,982	11.2	1.3	14.6%	12.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	73.3	0.4%	0.9	510	0.1	10,334	7.1	2.4	2.9%	36.9%
VGC	Vật liệu xây dựng	62.3	-0.8%	0.7	1,214	3.1	4,350	14.3	3.6	5.3%	27.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.5	0.0%	1.1	257	0.2	505	30.7	1.1	1.9%	3.6%
CTD	Xây dựng	69.3	1.8%	1.2	223	1.4	(958)	#N/A N/A	0.6	52.5%	-0.8%
CII	Xây dựng	22.1	-2.6%	1.5	242	3.3	1,446	15.2	1.0	9.8%	6.9%
REE	Điện	85.1	0.2%	-1.4	1,315	2.7	6,593	12.9	2.1	49.1%	17.7%
PC1	Điện	40.2	-0.7%	-0.4	411	2.5	2,081	19.3	1.9	4.5%	10.5%
POW	Điện	14.1	0.4%	0.6	1,436	6.6	676	20.9	1.1	2.5%	5.3%
NT2	Điện	30.0	2.7%	0.6	375	2.1	3,116	9.6	1.9	14.3%	20.9%
KBC	Khu công nghiệp	31.3	-1.1%	1.6	1,043	3.9	324	96.4	1.7	17.8%	2.1%
BCM	Khu công nghiệp	90.1	0%	0.9	4,055	0.6	1,640	54.9	5.4	2.8%	11.2%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	61.40	2.50	1.65	3.87MLN
MWG	74.00	2.78	0.74	7.35MLN
VRE	28.75	4.55	0.74	1.87MLN
VCB	79.10	0.38	0.36	700800
DGC	101.30	2.84	0.26	4.10MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
MSN	0.00	-0.39	552900	1.11MLN
NVL	0.00	-0.35	1.44MLN	607060
VIC	0.00	-0.32	1.39MLN	373600
GVR	0.00	-0.31	5.73MLN	192700
VNM	0.00	-0.21	1.39MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TTB	4.77	6.95	0.01	175200.00
PDN	125.20	6.92	0.04	900
QBS	3.72	6.90	0.00	612500
TNT	7.61	6.88	0.01	787300
DAT	16.35	6.86	0.02	7200

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	115.00	-0.95	-0.40	327700
NVL	83.90	-0.94	-0.40	2.82MLN
VIC	64.00	-0.62	-0.39	552900.00
GVR	25.00	-1.38	-0.35	1.44MLN
VNM	75.30	-0.79	-0.32	1.39MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

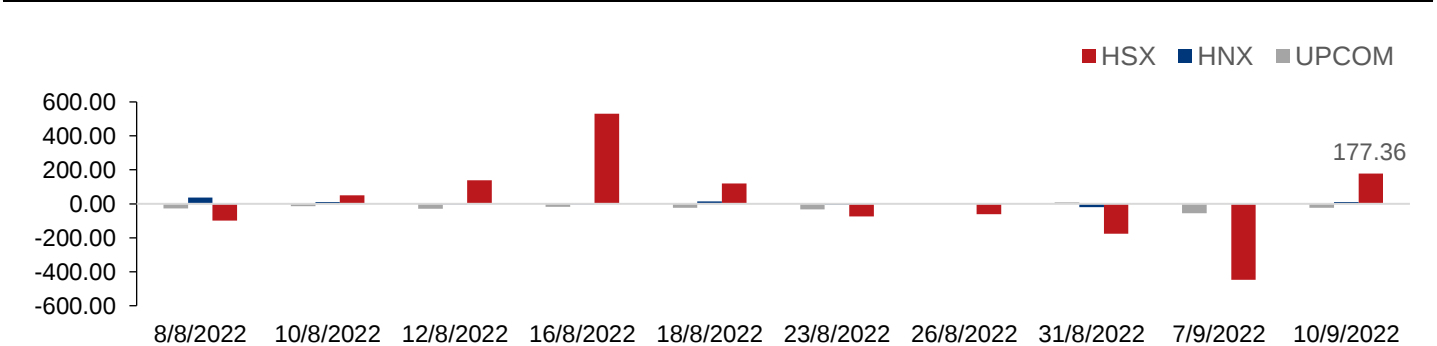
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BAB	16.30	0.62	0.12	10900.00
EVS	20.90	4.50	0.06	171800.00
VC3	41.50	1.47	0.05	213100
L14	102.00	1.09	0.04	53500.00
S99	11.90	3.48	0.03	1.15MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	23.80	-4.03	-0.78	63200
THD	55.10	-0.90	-0.29	26600
HUT	26.80	-2.90	-0.26	1.76MLN
SHS	12.00	-1.64	-0.24	4.98MLN
CEO	29.50	-1.67	-0.16	1.93MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TTT	46.20	10.0	0.01	100
NBW	22.20	9.9	0.01	100
PVB	17.20	9.6	0.03	219600
SCI	15.20	9.4	0.03	378800
LUT	4.70	9.3	0.01	48000.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SDN	37.80	-10.00	0.00	100
TKC	11.00	-9.84	-0.02	208800
QHD	41.40	-9.80	-0.04	800
VC6	9.30	-9.71	-0.01	200
V12	14.90	-9.70	0.00	3300

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	52.5	14,563	3.6	1.5	Click
2	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	15.5	505	30.7	1.1	Click
3	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	30.0	3,116	9.6	1.9	Click
4	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	21.1	0	#N/A N/A	0.8	Click
5	LHG	BDS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	35.1	2,692	13.0	1.2	Click
6	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	22.2	1,168	19.0	2.0	Click
7	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	40.2	2,081	19.3	1.9	Click
8	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	14.1	676	20.9	1.1	Click
9	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	23.3	6,984	3.3	1.0	Click
10	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	85.1	6,593	12.9	2.1	Click
11	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	36.4	4,406	8.3	1.0	Click
12	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	113.7	6,669	17.0	3.7	Click
13	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	50.2	3,842	13.1	2.3	Click
14	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	23.8	4,747	5.0	1.4	Click
15	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	15.7	4,170	3.8	1.7	Click
16	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	24.3	2,108	11.5	2.0	Click
17	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	72.4	3,616	20.0	6.1	Click
18	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	112.2	5,978	18.8	3.4	Click
19	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	15.4	1,889	8.2	0.7	Click
20	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	30.0	3,116	9.6	1.9	Click
21	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	71.9	10,763	6.7	1.4	Click
22	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	91.9	5,014	18.3	5.9	Click
23	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	40.2	2,081	19.3	1.9	Click
24	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	14.4	179	80.4	0.7	Click
25	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	84.6	4,512	18.7	4.7	Click
26	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	31.4	2,277	13.8	2.1	Click
27	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	23.3	6,984	3.3	1.0	Click
28	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	14.1	676	20.9	1.1	Click
29	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	112.2	5,978	18.8	3.4	Click
30	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	74.0	3,436	21.5	4.8	Click
31	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	22.2	1,982	11.2	1.3	Click
32	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	101.3	12,417	8.2	4.2	Click
33	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	23.8	4,747	5.0	1.4	Click
34	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	31.3	324	96.4	1.7	Click
35	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	24.8	5,269	4.7	1.5	Click
36	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	24.7	1,223	20.2	1.6	Click
37	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	77.7	4,503	17.3	6.2	Click
38	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	50.2	3,842	13.1	2.3	Click
39	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	25.2	2,905	8.7	1.7	Click
40	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	90.2	11,226	8.0	2.3	Click
41	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	31.2	1,963	15.9	1.5	Click
42	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	44.9	3,289	13.7	1.3	Click
43	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	26.8	1,104	24.3	1.1	Click
44	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	113.7	6,669	17.0	3.7	Click
45	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	23.7	4,011	5.9	1.6	Click
46	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	69.3	-958	#N/A N/A	0.6	Click
47	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	15.4	1,889	8.2	0.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
4	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
8	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
9	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
10	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
12	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
14	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
17	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
19	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
20	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
21	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
22	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
23	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
26	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
27	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
29	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
32	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THỂ GIỚI	x		Click
33	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
35	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
36	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
37	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
39	Banking Sector Outlook		x	Click
40	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
42	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
43	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
43	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639